

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2024/HNGĐ – ST**  
Ngày: 25/7/2024  
"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Trần Đức Hòa;

2/ Ông Phạm Thành Đô;

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Quốc Hải – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2024/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐST – HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa:

***- Nguyên đơn:*** Chị Diệu Thị Gi, sinh năm: 1989

Nơi cư trú: Thôn 6, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước

***- Bị đơn:*** Anh Diệu Đ, sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Thôn 6, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước

*(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 01 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Diệu Thị Gi trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Điều Đ tự nguyện chung sống năm 2007 và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 25, ký ngày 15/5/2008. Quá trình chung không hạnh phúc vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do anh Điều Đ thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, chửi bới đánh đập chị. Đến năm 2019 do anh Điều Đ đánh đập nhiều lần chị không thể chịu đựng được nên chị đã về nhà ba mẹ để sống cho đến nay. Sau đó, mặc dù sống ly thân nhưng anh Điều Đ vẫn thường xuyên đến nhà ba mẹ chị để hành hung chị làm cho chị luôn trong tình trạng bất an. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài được nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Điều Đ.

Về con chung: Chị và anh Điều Đ có 02 con chung là Điều Thị Bé Đ, sinh ngày 12/3/2009; Điều Hoàng Ph, sinh ngày 25/11/2015. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Điều Thị Gi về việc ly hôn với anh Điều Đ

Về con chung: Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Điều Thị Bé Đ; Sinh ngày 12/3/2009; Điều Hoàng Ph, sinh ngày 25/11/2015 cho chị Điều Thị Gi trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Điều Đ (là bị đơn) vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Điều Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Điều Thị Gi khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy đăng ký kết hôn số 25, ký ngày 15/5/2008. Lời khai của chị Điều Thị Gi phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 04). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Điều Thị Gi và anh Điều Đ là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Điều Thị Gi: Chị Điều Thị Gi khai nhận quá trình chung sống anh Điều Đ thường xuyên rượu chè, đánh bạc, không phụ giúp chăm lo cho gia đình, có những bất đồng trong quản lý, chi tiêu tiền bạc. Ngoài ra, anh Điều Đ còn nhiều lần đánh đập chị, đập phá đồ đạc trong gia đình. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hòa giải theo phong tục đồng bào nhưng vẫn không khắc phục được. Đến năm 2019 thì chị Điều Thị Gi và anh Điều Đ sống ly thân. Trong thời gian ly thân, anh Điều Đ không có sự thay đổi mà vẫn có lời lẽ xúc phạm chị, có hành vi đánh đập chị. Xét thấy, lời khai của chị Điều Thị Gi phù hợp với lời khai của người làm chứng (bl số 21). Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Như vậy, có đủ căn cứ xác định anh Điều Đ vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung*

*không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*". Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Điều Thị Gi.

[4] Về con chung: Chị Điều Thị Gi khai nhận vợ chồng có 01 con chung tên là cháu Điều Thị Bé Đ; Sinh ngày 12/3/2009; Điều Hoàng Ph, sinh ngày 25/11/2015. Lời khai của chị Điều Thị Gi phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp.

Chị Điều Thị Gi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Xét, cháu Điều Hoàng Ph còn nhỏ tuổi (9 tuổi) và cháu Điều Thị Bé Đ đang ở lứa tuổi dậy thì (15 tuổi) cần sự chăm sóc chu đáo, yêu thương, lắng nghe, chia sẻ, tôn trọng của người mẹ, người cha để giúp các cháu phát triển toàn diện. Xét, việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là quyền đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh Điều Đ không cung cấp lời khai, ý kiến cũng như nguyện vọng của anh để Hội đồng xét xử có cơ sở để xem xét giải quyết. Trong khi đó, cháu Điều Thị Bé Đ và Điều Hoàng Ph đều có nguyện vọng được mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Điều Thị Gi cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ chứng minh có đủ điều kiện để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con toàn diện cho trẻ em. Do đó, để đảm bảo mọi mặt sinh hoạt và tâm sinh lý của con, cũng như tôn trọng ý kiến của con, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần chấp nhận đề nghị về nuôi con chung của chị Điều Thị Gi, giao cháu Điều Thị Bé Đ và cháu Điều Hoàng Ph cho chị Điều Thị Gi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Điều Thị Gi, anh Điều Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[5] Về chia tài sản chung: Chị Điều Thị Gi, anh Điều Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Điều Thị Gi, anh Điều Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Các vấn đề khác:

[7.1] Bị đơn anh Điều Đ đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, được xem như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[7.2] Về án phí: tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên*

đơn”. Do đó, nguyên đơn chị Điều Thị Gi phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7.3] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Điều Thị Gi. Chị Điều Thị Gi được ly hôn với anh Điều Đ.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25, ký ngày 15/5/2008 của Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước không có giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao Điều Thị Bé Đ; Sinh ngày 12/3/2009; Điều Hoàng Ph, sinh ngày 25/11/2015 cho chị Điều Thị Gi trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Điều Đ, chị Điều Thị Gi không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung: Anh Điều Đ, chị Điều Thị Gi không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Anh Điều Đ, chị Điều Thị Gi không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Điều Thị Gi phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009029 ký ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/7/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Trần Thị Phương Hạnh**